

VAI TRÒ CỦA TỪ HÁN VIỆT TRONG HỌC TỪ VỰNG TIẾNG TRUNG Ở NGƯỜI VIỆT NAM: TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

VŨ NGỌC ANH

Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc,
Trường Đại học Đại Nam

Nhận bài ngày 05/5/2026. Sửa chữa xong 16/6/2026. Duyệt đăng 27/6/2026.

Abstract

Vietnamese vocabulary is a distinctive feature of the Vietnamese language and plays an important role in Chinese vocabulary learning among Vietnamese learners. Based on a review of related studies, this paper clarifies the role of Sino-Vietnamese vocabulary in helping learners recognize new words, infer meanings, memorize vocabulary, and expand their lexical knowledge. However, the similarities between Sino-Vietnamese vocabulary and Modern Chinese lexical items may also cause negative transfer, leading to errors in meaning and word usage. On this basis, the paper proposes several directions for future research and pedagogical applications in Chinese vocabulary teaching for Vietnamese learners.

Keywords: Chinese vocabulary learning, Sino-Vietnamese vocabulary, Vietnamese learners, vocabulary learning strategies.

1. Đặt vấn đề

Từ vựng giữ vai trò nền tảng trong quá trình học ngoại ngữ và ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực sử dụng ngôn ngữ của người học. Trong giảng dạy Tiếng Trung Quốc như một ngoại ngữ, học từ vựng luôn là nội dung trọng tâm, đặc biệt đối với người học ở trình độ sơ cấp. Đối với người Việt Nam, quá trình học từ vựng tiếng Trung có những đặc điểm riêng do sự tồn tại của lớp từ Hán Việt trong tiếng Việt. Sự tương đồng về hình thức và ngữ nghĩa giữa nhiều từ Hán Việt và từ tiếng Hán hiện đại tạo điều kiện thuận lợi cho người học trong việc nhận diện, ghi nhớ và suy đoán nghĩa từ mới. Tuy nhiên, các nghiên cứu về vai trò của từ Hán Việt trong học từ vựng tiếng Trung của người Việt Nam hiện vẫn còn phân tán, chưa được tổng hợp một cách hệ thống. Vì vậy, bài viết tổng quan các nghiên cứu liên quan, làm rõ vai trò của từ Hán Việt trong quá trình học từ vựng tiếng Trung, đồng thời đề xuất một số định hướng nghiên cứu và ứng dụng trong giảng dạy Tiếng Trung cho người Việt Nam.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái quát từ Hán Việt và vị trí của từ Hán Việt trong tiếng Việt

2.1.1. Khái niệm từ Hán Việt

Từ Hán Việt là bộ phận từ vựng có nguồn gốc từ tiếng Hán được du nhập vào tiếng Việt trong quá trình tiếp xúc ngôn ngữ lâu dài giữa hai dân tộc. Theo Nguyễn Tài Cẩn (2001), từ Hán Việt là những từ ngữ gốc Hán được đọc theo hệ thống âm Hán Việt và đã trở thành một bộ phận quan trọng của vốn từ tiếng Việt hiện đại. Từ Hán Việt không chỉ phản ánh mối quan hệ lịch sử giữa tiếng Việt và tiếng Hán mà còn thể hiện quá trình tiếp biến văn hóa diễn ra trong nhiều thế kỷ. Các nhà nghiên cứu Trung Quốc và Việt Nam đều thống nhất rằng từ Hán Việt là kết quả của quá trình vay mượn ngôn ngữ có hệ thống. Theo 舒雅丽 và 阮福祿 (2003), từ Hán Việt là lớp từ vay mượn từ tiếng Hán nhưng đã được Việt hóa về mặt ngữ âm và trở thành một thành tố hữu cơ trong hệ thống từ vựng tiếng Việt.

Email: anhvn@dainam.edu.vn

Hiện nay, lớp từ này xuất hiện phổ biến trong nhiều lĩnh vực như giáo dục, văn hóa, chính trị, kinh tế và khoa học.

2.1.2. Đặc điểm của từ Hán Việt

Xét về mặt cấu tạo, từ Hán Việt có mối liên hệ chặt chẽ với từ vựng tiếng Hán hiện đại. Nhiều từ vẫn giữ nguyên trật tự cấu tạo và ý nghĩa tương đối ổn định, chẳng hạn như “文化 - văn hóa”, “教育 - giáo dục”, “经济 - kinh tế”, “科学 - khoa học”. Bên cạnh đó cũng tồn tại những trường hợp thay đổi trật tự thành tố hoặc biến đổi về nghĩa trong quá trình sử dụng. Theo cách phân loại của 舒雅丽 và 阮福禄 (2003), từ Hán Việt có thể được chia thành các nhóm như từ vay mượn hoàn toàn, từ đảo trật tự thành tố, từ vay mượn yếu tố cấu tạo và từ ghép hỗn hợp. Sự đa dạng này phản ánh mức độ ảnh hưởng sâu sắc của tiếng Hán đối với tiếng Việt cũng như quá trình bản địa hóa của lớp từ Hán Việt.

Một đặc điểm đáng chú ý khác là từ Hán Việt thường mang sắc thái trang trọng, tính khái quát cao và được sử dụng nhiều trong các văn bản hành chính, học thuật và truyền thông. Chính đặc điểm này khiến người học thường xuyên tiếp xúc với từ Hán Việt ngay từ bậc phổ thông.

2.1.3. Vị trí của từ Hán Việt trong học từ vựng tiếng Trung

Do có nguồn gốc chung với nhiều từ trong tiếng Hán hiện đại, từ Hán Việt tạo nên cầu nối ngôn ngữ quan trọng đối với người Việt Nam khi học Tiếng Trung. Người học có thể dựa vào vốn từ Hán Việt đã có để nhận diện, ghi nhớ và suy đoán nghĩa của nhiều từ tiếng Trung mới. Chẳng hạn, khi gặp các từ như “社会” “历史” “发展” “国际”, người học Việt Nam thường dễ dàng liên hệ với các từ tương ứng trong tiếng Việt là “xã hội”, “lịch sử”, “phát triển” và “quốc tế”. Tuy nhiên, sự tương đồng này không phải lúc nào cũng mang lại tác động tích cực. Một số trường hợp khác biệt về nghĩa hoặc cách sử dụng giữa từ Hán Việt và từ tiếng Hán hiện đại có thể dẫn đến hiện tượng chuyển di tiêu cực trong quá trình học tập. Do đó, việc nhận diện đúng vai trò của từ Hán Việt là cơ sở quan trọng để nghiên cứu ảnh hưởng của lớp từ này đối với hoạt động học tập từ vựng tiếng Trung của người Việt Nam.

2.2. Vai trò của từ Hán Việt trong học từ vựng tiếng Trung

2.2.1. Tác động tích cực của từ Hán Việt đối với việc học từ vựng tiếng Trung

Nhiều nghiên cứu cho thấy từ Hán Việt có vai trò quan trọng trong quá trình học Tiếng Trung của người Việt Nam, đặc biệt ở phương diện tiếp thu từ vựng. Do có mối liên hệ lịch sử với một bộ phận lớn từ vựng tiếng Hán hiện đại, từ Hán Việt có thể hỗ trợ người học trong việc nhận diện, ghi nhớ và mở rộng vốn từ. Khi tiếp xúc với các từ như “文化”, “教育”, “经济”, “科学”, người học Việt Nam có thể liên hệ với các từ tương ứng trong tiếng Việt là “văn hóa”, “giáo dục”, “kinh tế”, “khoa học”. Sự liên hệ giữa ngôn ngữ đích và vốn từ sẵn có trong tiếng mẹ đẻ góp phần giảm gánh nặng ghi nhớ, đồng thời nâng cao hiệu quả học tập từ vựng. Bên cạnh đó, từ Hán Việt còn hỗ trợ người học suy đoán nghĩa của từ mới thông qua việc phân tích các yếu tố cấu tạo, nhất là trong hoạt động đọc hiểu. Nghiên cứu của 陆姗姗 (2017) về ảnh hưởng của từ Hán tự đối với chiến lược học từ vựng cũng cho thấy sự tương đồng về nguồn gốc từ vựng có thể tạo ra chuyển di tích cực trong quá trình tiếp thu ngôn ngữ thứ hai. Ngoài ra, người học có thể dựa vào các yếu tố cấu tạo mang tính hệ thống để xây dựng mạng lưới liên tưởng từ vựng; chẳng hạn, từ yếu tố “学”, có thể mở rộng thành các từ như “学习”, “学校”, “学科”, “学术”, “学者”. Cao Thị Thúy Hằng (2023) cũng chỉ ra rằng việc hướng dẫn người học khai thác mối liên hệ giữa từ Hán Việt và từ tiếng Hán có tác động tích cực đến khả năng đoán nghĩa, ghi nhớ từ mới và động cơ học tập. Như vậy, từ Hán Việt có thể được xem là một nguồn lực ngôn ngữ đặc thù, góp phần nâng cao hiệu quả tiếp thu từ vựng tiếng Trung của người Việt Nam.

2.2.2. Những hạn chế và ảnh hưởng tiêu cực của từ Hán Việt

Bên cạnh những tác động tích cực, việc dựa quá nhiều vào từ Hán Việt cũng có thể tạo ra những ảnh hưởng tiêu cực đối với quá trình học tập từ vựng tiếng Trung. Trước hết, không phải tất cả các từ Hán Việt đều có nghĩa hoàn toàn tương ứng với từ tiếng Hán hiện đại. Trải qua quá trình phát triển độc lập của hai ngôn ngữ, nhiều từ tuy có cùng nguồn gốc nhưng đã xuất hiện sự khác biệt về phạm vi nghĩa

hoặc sắc thái biểu đạt. Điều này khiến người học dễ rơi vào tình trạng suy đoán sai nghĩa của từ dựa trên kinh nghiệm ngôn ngữ có sẵn. Bên cạnh đó, hiện tượng đồng hình dị nghĩa giữa từ Hán Việt và từ tiếng Hán hiện đại cũng là nguyên nhân dẫn đến nhiều lỗi sử dụng từ. Người học thường có xu hướng áp dụng trực tiếp cách hiểu của từ Hán Việt vào tiếng Trung mà chưa chú ý đầy đủ đến ngữ cảnh sử dụng thực tế. Kết quả là xuất hiện các lỗi về ngữ nghĩa, ngữ dụng và kết hợp từ.

Một hạn chế khác là việc quá phụ thuộc vào phương pháp đối chiếu Hán Việt có thể khiến người học hình thành tâm lý chủ quan trong học tập từ vựng. Khi gặp những từ có hình thức tương tự từ Hán Việt, người học thường cho rằng mình đã hiểu nghĩa của từ mà không tiến hành kiểm chứng thông qua ngữ cảnh hoặc tài liệu tham khảo. Điều này ảnh hưởng đến độ chính xác trong quá trình tiếp nhận và sử dụng ngôn ngữ. Các nghiên cứu về ảnh hưởng của từ Hán Việt đối với người học Tiếng Trung đều cho thấy bên cạnh hiện tượng chuyển di tích cực còn tồn tại hiện tượng chuyển di tiêu cực. Những ảnh hưởng tiêu cực này thường biểu hiện ở các lỗi dùng từ, lỗi kết hợp từ, lỗi diễn đạt và lỗi lựa chọn từ trong giao tiếp. Vì vậy, việc khai thác từ Hán Việt trong dạy học Tiếng Trung cần được thực hiện một cách có định hướng, giúp người học nhận diện cả điểm tương đồng lẫn sự khác biệt giữa hai hệ thống ngôn ngữ. Từ những phân tích trên có thể thấy từ Hán Việt vừa là lợi thế vừa là thách thức đối với người Việt Nam học Tiếng Trung. Việc phát huy hiệu quả tác động tích cực đồng thời hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của từ Hán Việt là một trong những vấn đề cần được quan tâm trong nghiên cứu và giảng dạy Tiếng Trung hiện nay.

2.3. Các hướng nghiên cứu về từ Hán Việt và chiến lược học từ vựng tiếng Trung

2.3.1. Nghiên cứu về từ Hán Việt

Từ Hán Việt là một trong những chủ đề nhận được sự quan tâm của nhiều học giả Việt Nam và Trung Quốc. Các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào nguồn gốc hình thành, đặc điểm ngữ âm, ngữ nghĩa, cấu tạo từ và vai trò của từ Hán Việt trong hệ thống từ vựng tiếng Việt. Trong số các công trình nghiên cứu tiêu biểu, Nguyễn Tài Cẩn đã có những đóng góp quan trọng trong việc làm rõ quá trình hình thành hệ thống âm Hán Việt và ảnh hưởng của tiếng Hán đối với tiếng Việt. Theo tác giả, từ Hán Việt là kết quả của quá trình tiếp xúc ngôn ngữ lâu dài giữa hai dân tộc và đã trở thành một bộ phận hữu cơ trong vốn từ vựng tiếng Việt hiện đại. Các nghiên cứu này đã đặt nền móng cho việc tìm hiểu mối quan hệ giữa từ Hán Việt và tiếng Hán hiện đại.

舒雅丽 và 阮福祿 (2003) đã tiến hành nghiên cứu tương đối hệ thống về từ Hán Việt. Hai tác giả phân loại từ Hán Việt thành các nhóm như từ vay mượn hoàn toàn, từ đảo trật tự thành tố, từ vay mượn yếu tố cấu tạo và từ ghép hỗn hợp. Kết quả nghiên cứu cho thấy sự tương đồng giữa từ Hán Việt và tiếng Hán không chỉ thể hiện ở phương diện ngữ nghĩa mà còn phản ánh mối quan hệ lịch sử và văn hóa sâu sắc giữa hai ngôn ngữ. Nhìn chung, các nghiên cứu về từ Hán Việt đã cung cấp cơ sở lý luận quan trọng cho việc nghiên cứu tiếng Trung đối với người Việt Nam. Tuy nhiên, phần lớn các công trình tập trung vào bản thân hiện tượng ngôn ngữ mà chưa xem xét đầy đủ vai trò của từ Hán Việt trong quá trình tiếp thu tiếng Trung như một ngoại ngữ.

2.3.2. Nghiên cứu về chiến lược học tập ngôn ngữ

Chiến lược học tập ngôn ngữ là lĩnh vực nghiên cứu phát triển mạnh từ cuối thế kỷ XX. Trong số các mô hình lý thuyết có ảnh hưởng lớn, công trình của O'Malley và Chamot (1990) được xem là một trong những nền tảng quan trọng nhất. Hai tác giả chia chiến lược học tập thành ba nhóm chính gồm chiến lược siêu nhận thức, chiến lược nhận thức và chiến lược xã hội. Cách phân loại này đã được nhiều nghiên cứu sau đó vận dụng trong nghiên cứu học ngoại ngữ. Bên cạnh đó, Gu và Johnson (1996) nhấn mạnh vai trò của các chiến lược ghi nhớ, chiến lược suy đoán và chiến lược sử dụng từ điển trong quá trình học từ vựng. Schmitt (1997) tiếp tục mở rộng hệ thống phân loại chiến lược học từ vựng và đề xuất nhiều nhóm chiến lược cụ thể phù hợp với từng giai đoạn tiếp nhận từ mới.

Tại Trung Quốc, 文秋芳 (1996) đã có những đóng góp quan trọng trong việc nghiên cứu chiến lược học tập ngoại ngữ từ góc độ người học. Các nghiên cứu của bà cho thấy việc lựa chọn và sử dụng chiến

lược học tập có mối liên hệ chặt chẽ với hiệu quả học ngoại ngữ. Các nghiên cứu trên đã tạo nên nền tảng lý luận quan trọng cho việc nghiên cứu chiến lược học từ vựng tiếng Trung của người Việt Nam trong những năm gần đây.

2.3.3. Nghiên cứu về chiến lược học từ vựng tiếng Trung của người Việt Nam

So với các nghiên cứu về từ Hán Việt, hướng nghiên cứu trực tiếp về chiến lược học từ vựng tiếng Trung xuất hiện muộn hơn nhưng đã đạt được một số kết quả đáng chú ý. Các nghiên cứu của 梁晶晶 (2012), 耿文娟 (2015), 王涓 (2017) và 王小娟 (2021) cho thấy người học thường vận dụng kết hợp nhiều nhóm chiến lược khác nhau trong quá trình học từ vựng, trong đó các chiến lược ghi nhớ, liên tưởng ngữ nghĩa, suy đoán nghĩa và quản lý quá trình học tập được sử dụng tương đối phổ biến. Những kết quả này cho thấy kiến thức ngôn ngữ sẵn có, cùng với khả năng thiết lập mạng lưới liên tưởng từ vựng, có ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả tiếp thu và ghi nhớ từ mới. Đáng chú ý, Tạ Thị Hải Dương (2017) và Cao Thị Thúy Hằng (2023) đã tập trung rõ hơn vào vai trò của từ Hán Việt trong quá trình học Tiếng Trung của người Việt Nam. Các nghiên cứu này chỉ ra việc khai thác hợp lý vốn từ Hán Việt có thể hỗ trợ người học nâng cao khả năng suy đoán nghĩa, mở rộng vốn từ và tăng cường động cơ học tập. Tuy nhiên, các tác giả cũng nhấn mạnh sự phụ thuộc quá mức vào điểm tương đồng giữa từ Hán Việt và từ tiếng Hán hiện đại có thể dẫn đến hiện tượng chuyển di tiêu cực, gây ra các lỗi về ngữ nghĩa và cách sử dụng từ.

Nhìn chung, các nghiên cứu hiện nay đã bước đầu khẳng định vai trò của từ Hán Việt trong học từ vựng tiếng Trung. Tuy nhiên, số lượng nghiên cứu kết hợp giữa hướng nghiên cứu từ Hán Việt và chiến lược học từ vựng vẫn còn tương đối hạn chế. Đây cũng là một trong những khoảng trống nghiên cứu cần tiếp tục được quan tâm trong thời gian tới.

2.4. Thành tựu nghiên cứu, hạn chế và định hướng nghiên cứu trong tương lai

2.4.1. Thành tựu nghiên cứu

Qua tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có thể nhận thấy nghiên cứu về từ Hán Việt đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Các học giả đã từng bước làm rõ nguồn gốc hình thành, đặc điểm cấu tạo, đặc điểm ngữ nghĩa cũng như vị trí của từ Hán Việt trong hệ thống từ vựng tiếng Việt. Những nghiên cứu này không chỉ góp phần làm sáng tỏ mối quan hệ lịch sử giữa tiếng Việt và tiếng Hán mà còn tạo cơ sở lý luận cho các nghiên cứu về dạy học Tiếng Trung đối với người Việt Nam. Bên cạnh đó, các nghiên cứu về chiến lược học tập ngôn ngữ và chiến lược học từ vựng đã xây dựng được hệ thống lý thuyết tương đối hoàn chỉnh. Các mô hình của O'Malley và Chamot (1990), Gu và Johnson (1996), Schmitt (1997) hay 文秋芳 (1996) đã cung cấp những cơ sở lý luận quan trọng để phân tích hành vi học tập của người học ngoại ngữ. Đối với lĩnh vực dạy học Tiếng Trung cho người Việt Nam, một số nghiên cứu gần đây đã bước đầu chú ý đến vai trò của từ Hán Việt trong quá trình tiếp thu từ vựng tiếng Trung. Kết quả của các nghiên cứu cho thấy từ Hán Việt có thể hỗ trợ người học trong việc nhận diện từ mới, suy đoán nghĩa, ghi nhớ từ vựng và xây dựng mạng lưới liên tưởng từ ngữ. Đồng thời, các nghiên cứu cũng chỉ ra việc khai thác hợp lý vốn từ Hán Việt có khả năng nâng cao hiệu quả học tập và tăng cường động cơ học Tiếng Trung của người học.

2.4.2. Hạn chế của các nghiên cứu hiện nay

Mặc dù vậy, các nghiên cứu hiện có vẫn bộc lộ một số hạn chế nhất định. Thứ nhất, nhiều công trình về từ Hán Việt chủ yếu tập trung vào các phương diện ngôn ngữ học như nguồn gốc, cấu tạo và ngữ nghĩa, trong khi các nghiên cứu tiếp cận từ góc độ ứng dụng vào dạy học tiếng Trung còn tương đối hạn chế. Thứ hai, các nghiên cứu về chiến lược học từ vựng thường chú trọng khảo sát mức độ sử dụng chiến lược của người học nhưng chưa làm rõ cơ chế tác động của vốn từ Hán Việt đối với quá trình lựa chọn và vận dụng các chiến lược này. Thứ ba, nhiều nghiên cứu được thực hiện trên quy mô nhỏ hoặc chỉ tập trung vào một nhóm đối tượng nhất định, do đó tính khái quát của kết quả nghiên cứu còn hạn chế. Thứ tư, các tác động tiêu cực của từ Hán Việt như chuyển di ngôn ngữ, lỗi ngữ nghĩa, lỗi kết hợp từ và lỗi sử dụng từ trong giao tiếp thực tế vẫn chưa được phân tích một cách đầy đủ và hệ thống.

2.4.3. Định hướng nghiên cứu trong tương lai

Từ những hạn chế trên, có thể thấy nghiên cứu về vai trò của từ Hán Việt trong học Tiếng Trung vẫn còn nhiều vấn đề cần tiếp tục được làm rõ. Trước hết, cần tăng cường các nghiên cứu thực nghiệm nhằm đánh giá cụ thể mức độ ảnh hưởng của từ Hán Việt đối với từng nhóm kỹ năng ngôn ngữ, đặc biệt là kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu và sử dụng từ vựng trong giao tiếp. Bên cạnh đó, cần mở rộng phạm vi nghiên cứu đối với nhiều nhóm người học khác nhau như học sinh trung học phổ thông, sinh viên không chuyên tiếng Trung, người học tại các trung tâm ngoại ngữ và người tự học Tiếng Trung. Điều này sẽ góp phần phản ánh đầy đủ hơn thực trạng vận dụng từ Hán Việt trong quá trình học Tiếng Trung tại Việt Nam. Ngoài ra, trong bối cảnh chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục ngày càng phát triển, việc nghiên cứu khả năng kết hợp giữa vốn từ Hán Việt và các công cụ hỗ trợ học tập thông minh cũng là một hướng nghiên cứu có tiềm năng. Những nghiên cứu này không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả dạy học Tiếng Trung mà còn mở ra những hướng tiếp cận mới trong nghiên cứu ngôn ngữ ứng dụng. Nhìn chung, từ Hán Việt là một nguồn lực ngôn ngữ đặc thù của người Việt Nam khi học Tiếng Trung. Việc tiếp tục nghiên cứu và khai thác hiệu quả nguồn lực này sẽ góp phần nâng cao chất lượng dạy học Tiếng Trung trong bối cảnh giao lưu ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam - Trung Quốc ngày càng phát triển.

2.4.4. Hàm ý đối với hoạt động giảng dạy Tiếng Trung tại Việt Nam

Kết quả tổng quan các nghiên cứu cho thấy từ Hán Việt vừa là lợi thế ngôn ngữ đặc thù vừa là nguồn lực học tập quan trọng đối với người Việt Nam học Tiếng Trung. Do đó, việc khai thác hiệu quả vốn từ Hán Việt trong quá trình giảng dạy có ý nghĩa thiết thực đối với việc nâng cao chất lượng dạy và học Tiếng Trung tại Việt Nam: 1) Giáo viên cần chú trọng khai thác mối liên hệ giữa từ Hán Việt và từ vựng tiếng Hán hiện đại trong quá trình giảng dạy từ mới. Thay vì yêu cầu người học ghi nhớ từ vựng một cách đơn lẻ, giáo viên có thể hướng dẫn sinh viên liên hệ với những từ Hán Việt quen thuộc trong tiếng Việt để nhận diện và suy đoán nghĩa của từ mới. Ví dụ, khi giảng dạy các từ như “文化” “教育” “经济” “历史”, giáo viên có thể giúp sinh viên liên hệ với các từ tương ứng trong tiếng Việt là “văn hóa”, “giáo dục”, “kinh tế” và “lịch sử”. Phương pháp này không chỉ giúp giảm áp lực ghi nhớ mà còn góp phần nâng cao khả năng tự học của người học; 2) Xây dựng các hoạt động học tập dựa trên nguyên tắc đối chiếu giữa từ Hán Việt và từ tiếng Hán hiện đại. Việc đối chiếu có thể được thực hiện ở nhiều cấp độ khác nhau như ngữ âm, ngữ nghĩa, cấu tạo từ và cách sử dụng trong ngữ cảnh. Thông qua các bài tập so sánh và phân tích, người học sẽ nhận thức rõ hơn về những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai hệ thống từ vựng. Điều này giúp phát huy tác động của hiện tượng chuyển di tích cực đồng thời hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực do suy đoán sai nghĩa hoặc sử dụng từ không phù hợp; 3) Giáo viên cần đặc biệt chú ý đến những trường hợp từ Hán Việt và từ tiếng Hán hiện đại có sự khác biệt về nghĩa hoặc phạm vi sử dụng. Trên thực tế, nhiều lỗi sử dụng từ của sinh viên xuất phát từ việc đồng nhất hoàn toàn từ Hán Việt với từ tiếng Hán tương ứng. Vì vậy, bên cạnh việc khai thác sự tương đồng, giáo viên cần xây dựng hệ thống ví dụ và bài tập giúp người học nhận diện các trường hợp dễ gây nhầm lẫn. Việc phân tích lỗi và giải thích nguyên nhân của hiện tượng chuyển di tiêu cực sẽ giúp nâng cao độ chính xác trong quá trình sử dụng tiếng Trung; 4) Tăng cường hướng dẫn người học sử dụng các chiến lược học từ vựng dựa trên đặc điểm của từ Hán Việt. Các chiến lược như phân tích cấu tạo từ, suy đoán nghĩa từ ngữ cảnh, xây dựng mạng lưới liên tưởng từ vựng hay nhóm từ theo trường nghĩa đều có thể phát huy hiệu quả khi kết hợp với vốn từ Hán Việt mà người học đã tích lũy trong tiếng mẹ đẻ. Điều này không chỉ giúp mở rộng vốn từ mà còn góp phần hình thành năng lực học tập tự chủ cho người học.

Trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, việc ứng dụng công nghệ và trí tuệ nhân tạo vào dạy học từ vựng tiếng Trung cũng mở ra nhiều khả năng mới trong việc khai thác từ Hán Việt. Các phần mềm học từ vựng, hệ thống học tập trực tuyến và các công cụ AI có thể hỗ trợ xây dựng ngân hàng từ vựng đối chiếu Hán Việt - tiếng Hán, tự động phân tích mối liên hệ giữa các từ và cung cấp bài tập cá nhân hóa cho người học. Việc kết hợp giữa nguồn lực ngôn ngữ truyền thống và công nghệ hiện đại hứa hẹn sẽ nâng cao hiệu quả dạy học Tiếng Trung trong thời gian tới. Nhìn chung, việc khai thác hợp lý vốn từ

Hán Việt không chỉ giúp người học nâng cao hiệu quả học tập từ vựng tiếng Trung mà còn góp phần phát huy lợi thế ngôn ngữ đặc thù của người Việt Nam. Đây là một hướng tiếp cận cần được quan tâm hơn trong nghiên cứu và thực tiễn giảng dạy Tiếng Trung tại Việt Nam.

3. Kết luận

Từ Hán Việt là một bộ phận quan trọng trong hệ thống từ vựng tiếng Việt, đồng thời là nguồn lực ngôn ngữ đặc thù đối với người Việt Nam trong quá trình học Tiếng Trung. Trên cơ sở tổng quan các nghiên cứu liên quan, có thể thấy từ Hán Việt có vai trò tích cực trong việc hỗ trợ người học nhận diện từ mới, suy đoán nghĩa, ghi nhớ và mở rộng vốn từ tiếng Trung. Tuy nhiên, sự tương đồng giữa từ Hán Việt và từ tiếng Hán hiện đại không mang tính tuyệt đối mà có thể dẫn đến hiện tượng chuyển di tiêu cực, đặc biệt ở các phương diện ngữ nghĩa, ngữ dụng và kết hợp từ. Vì vậy, việc khai thác từ Hán Việt trong dạy học Tiếng Trung cần được thực hiện một cách khoa học, có định hướng và gắn với hoạt động phân tích lỗi. Trong thời gian tới cần tiếp tục đẩy mạnh các nghiên cứu thực nghiệm nhằm đánh giá sâu hơn vai trò của từ Hán Việt trong quá trình học Tiếng Trung, từ đó xây dựng các mô hình và chiến lược giảng dạy phù hợp với đặc điểm của người học Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- Cao Thị Thúy Hằng (2023). *Nghiên cứu về việc ứng dụng các chiến lược học từ vựng Hán-Việt trong việc dạy từ vựng tiếng Trung cho học sinh Việt Nam* [Luận văn Thạc sĩ, Đại học Ngoại ngữ Bắc Kinh].
- 耿文娟. (2015). 吉尔吉斯斯坦初级阶段学生汉语词汇学习策略调查 [Khảo sát chiến lược học từ vựng tiếng Trung của học sinh Kyrgyzstan ở trình độ sơ cấp] [Thị sĩ luận văn, 新疆师范大学].
- Gu, Y., & Johnson, R. K. (1996). Vocabulary learning strategies and language learning outcomes. *Language Learning*, 46(4), 643-679.
- 梁晶晶. (2012). 初级水平韩国学生汉语词汇学习策略及词汇深度习得的实证研究 [Nghiên cứu thực nghiệm về chiến lược học từ vựng tiếng Trung và sự tiếp thu độ sâu từ vựng của sinh viên Hàn Quốc trình độ sơ cấp] [Thị sĩ luận văn, 南京大学].
- 陆姗姗. (2017). 韩国学习者受汉字词影响的词汇学习策略调查 [Khảo sát chiến lược học từ vựng của người học Hàn Quốc dưới ảnh hưởng của từ Hán tự]. *国际汉语教育 (中英文)*, 2(4), 74-87.
- Nguyễn Tài Cẩn. (2001). *Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán Việt*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- O'Malley, J. M., & Chamot, A. U. (1990). *Learning strategies in second language acquisition*. Cambridge University Press.
- Schmitt, N. (1997). Vocabulary learning strategies. In N. Schmitt & M. McCarthy (Eds.), *Vocabulary: Description, acquisition and pedagogy* (pp. 199-227). Cambridge University Press.
- 舒雅丽, 阮福禄. (2003). 略论双音节汉越词与汉语双音节词的异同 [Bàn sơ lược về những điểm giống và khác nhau giữa từ Hán Việt song âm tiết và từ song âm tiết trong tiếng Hán]. *汉语学习*, (6), 42-50.
- Tạ Thị Hải Dương. (2017). *Khảo sát và phân tích các chiến lược học từ vựng tiếng Trung của học sinh Trường Trung học phổ thông Chuyên Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam* [Luận văn Thạc sĩ, Đại học Ngoại ngữ Thương Hải].
- 王涓. (2017). 秘鲁汉语初级水平学习者的词汇学习策略调查 [Khảo sát chiến lược học từ vựng của người học Tiếng Trung trình độ sơ cấp tại Peru] [Thị sĩ luận văn, 广东外语外贸大学].
- 王小娟. (2021). 初级水平留学生汉语词汇学习策略对词汇深度习得的影响 [Ảnh hưởng của chiến lược học từ vựng tiếng Trung đối với sự tiếp thu độ sâu từ vựng của lưu học sinh trình độ sơ cấp] [Thị sĩ luận văn, 兰州交通大学].
- 文秋芳. (1996). *英语学习策略论* [Luận về chiến lược học Tiếng Anh]. 上海外语教育出版社.